

Trung Giang Ký Sự – kỳ 14

Hành Vân

Sáng thứ Hai, lúc khoảng 6 giờ, tôi gọi số điện thoại do cô Mỹ Hoa xin dùm và đã liên lạc được với bác Giác Hội ở Cái Côn. Sắp xếp mọi việc xong, 10 giờ tôi rời Tịnh xá Trung Tâm, theo một chuyến xe Phương Trang đến bến của hãng xe này tại thành phố Cần Thơ. Xuống xe, được sự chỉ dẫn của người ở đó, tôi ra công lên xe buýt tuyến Cần Thơ – Đại Ngãi để đến Cái Côn. Tới Chợ Cái Côn, tôi gọi điện thoại liên lạc với bác Giác Hội để được bác hướng dẫn vào nhà trong miệt vườn ở cách chợ khoảng 2km, thuộc ấp Hòa Phú, xã Xuân Hòa, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

Về miền Tây, sông nước chằng chịt, cây trái xum xuê, ruộng đồng mênh mông. Từ hai dòng sông cái Tiền Giang và Hậu Giang, một hệ thống sông rạch chằng chịt đã được tạo ra bủa khắp miền Tây Nam Bộ. Câu hát ca dao:

Cần Thơ gạo trắng, nước trong
Ai đi đến đó lòng không muốn về!

Chỉ tả cái tình chứ không tả đúng cảnh. Bởi vì nước sông Cửu Long bao giờ cũng đục đục, chứa đầy phù sa, chứa đầy nhựa sống. Nước sông Cửu Long có bao giờ trong? Nước không trong nên nước đã vun bồi cho bao mầm sống được sinh sôi nảy nở. Nếu nước Cửu Long trong vắt thì chưa chắc vùng đồng bằng này được trù phú như thế. Đúng như người xưa đã nhận xét: “Nước trong quá không có cá, người xét nét quá thì không có bạn!”.



Bác Trí Phước – Giác Hội, thế danh Ung Văn Phúc, sinh năm 1937.

Gặp bác Giác Hội, cái tình chủng tộc Sa-môn, họ hàng Khất sĩ sống dậy, chúng tôi cảm thấy thân quen như người một nhà. Bác ra ngoài ngõ đứng đón và xách giúp tôi chiếc va-li nhỏ, cười vui vẻ dẫn đường đưa tôi vào nhà. Bác gái ra

chào, mời tôi vào phòng khách. Sau khi tẩy trần một lát, tôi xin phép bác Giác Hội cho đi vào công việc chính. Và tôi bắt đầu đặt vấn đề:

– Thưa bác, trước đây sư có nghe hòa thượng Giác Dũng ở Năng-gù và hòa thượng Giác Tường nhắc đến bác. Hôm nay, sư không quản đường xa đến đây gặp bác để hỏi về Tổ, Thầy Khất Sĩ, về sự thành lập đoàn, sự phát triển các nơi... của Phật giáo Khất Sĩ. Có thể đối với bác, những gì bác biết là kỷ niệm riêng; nhưng đối với sư, trong công việc đang làm, sư sưu tầm những phát biểu riêng của mỗi cá nhân để đem lại sự phong phú cho quyển sách về Đạo Phật Khất Sĩ sư đang viết. Vì muốn thuyết phục các hạng độc giả mà sư không tiếc công làm như thế. Nếu sư chỉ nói trên quan điểm của một, hai người thì e rằng sẽ bị hẹp hòi; nhưng mọi việc sẽ khác đi nếu có nhiều tiếng nói, nhiều hình ảnh... Sư lại nghe nói bác là một giảng sư trước đây, thì sư chắc rằng bác hiểu nhiều hơn những vị chỉ lo tu tịnh cho cá nhân mình. Vậy bây giờ sư đã đến đây rồi, mong bác hoan hỷ hợp tác với sư.

Bác Giác Hội lắng nghe lời đề nghị dài dòng của tôi rồi nói, giọng mạnh và thẳng thắn:

– Nói đây thì nhìn thẳng về thời của Tôn sư mà nói, chớ không phải là đả kích hay chỉ trích gì hết. Hai nữa là trò nói trong phạm vi của Giáo hội Tăng-già Khất sĩ chớ không nói các hệ phái khác. Nhưng khi trò nói cho đúng thì chắc là bên ngoài có nhiều chỗ họ sẽ không thích, không thật hành. Đức Tôn sư Minh Đăng Quang chắc mọi người đã biết nhiều. Còn về thật tế, khi trò vào giáo hội lúc ngài còn thì thấy có những ưu điểm đặc biệt. Bởi vì Tổ sư nói truyền Thích-ca Chánh pháp, không nằm chặng sau này. Thời đó Tổ sư lấy Giới luật y bát làm thầy và chánh pháp là Tứ y pháp. Cho nên việc thật hành lúc đó, từ ăn mặc nói làm, đi đứng ngồi nằm, thân tâm trí tánh gì... đều khép vô oai nghi. Ngày xưa đức Phật khi còn làm thái tử, ngài thấy sự ăn mặc ở bệnh của người đời bị trói buộc, quay quần tạo nghiệp, từ cá nhân cho đến quốc gia đều do một trong bốn cái đó mà tranh chấp lẫn nhau. Vậy nên thái tử Sĩ-đạt-ta mới chán bỏ đời, xuất gia đi tu để giải thoát bốn việc trên. Nên giải thoát là tu theo Tứ y pháp như đức Phật đã thật hành. Hành thái quá ngài không cho, bất cập ngài cũng không chịu. Như Đề-bà-đạt-đa xin năm pháp thái quá ngài đã không chấp nhận, mà làm theo thế gian ngài cũng không đồng ý.

Nên Tứ y pháp là chánh pháp của chư Phật mười phương ba đời. Cái đó không cần học nhiều mà chỉ chuyên tu Giới định huệ thôi. Cái học nhiều đa văn quảng kiến cũng tốt mà cái đó nhiều khi đi tới chỗ ngã mạn. Thế nên Tôn sư nói Phật không có lập trường học nào hết, mà chỉ tu Giới định huệ để đắc đạo quả, đó là cơ bản. Nên tới đâu ngài đều hỏi chư Tăng, Ni rằng ở đây quý vị có đi khất thực không?

Pháp khất thực nghĩa rất mâu nhiệm, không đơn thuần như người ta tưởng là xin ăn, là nghèo túng phải đi xin... Pháp này rất sâu mâu của chư Phật ba đời, bởi diệt trừ được bản ngã, lại lợi ích cho cả chúng sanh. Nó vừa tự lợi vừa lợi tha, vừa tu pháp nhẫn nhục, vừa vượt thẳng đến mức vô thường... Nên lúc Tôn sư trụ thế, không bao giờ một vị sư được ở quá ba tháng một chỗ. Ngài nói đổi thầy, đổi bạn, đổi tất cả, lấy vô thường trị vô thường, té xuống đất chửi

đất đứng dậy, đập gai lấy gai lể... Vậy lấy một thứ vô thường để vượt qua tất cả các thứ vô thường khác, không cố chấp một trụ xứ nào.

Ngày xưa, Đoàn Du Tăng của đức Phật cũng vậy. Tôn sư Minh Đăng Quang cũng vậy, cũng nối theo Đoàn Du Tăng đó thôi. Trừ những vị nào bệnh, còn ai khỏe là đi hành đạo luôn, vừa dứt bản ngã sở chấp, vừa đem pháp lợi tha cho tất cả chúng sanh để kết duyên hóa độ. Cho nên giới luật của ngài rất kỷ lưỡng, từ 10 giới Sa-di, 250 giới Tỳ-kheo, 348 giới Tỳ-kheo Ni thứ nào đúng theo thứ đó. Ngài nói có giới luật mới có định, phát huệ và thành tựu đạo quả được. Nếu phương tiện thì ngài nói chưa phải là Bồ-tát. Bồ-tát lợi tha mà phương tiện quá là máy ông rơi luôn!

Cho nên giới luật là điểm chính của ngài để chấn hưng Phật giáo. Trong thời đó, chư Tăng có người có vợ con, không giữ giới luật...

Ồ, bác Giác Hội nói năng không khác một nhà hùng biện tài ba! Cách nói mạnh dạn, tiếng lớn hùng hồn, mắt nhìn thẳng thính giả, lời nói trôi chảy, nội dung bài bản, thật thú vị! Tôi gật gật đầu, thỉnh thoảng thốt một, hai từ cảm thán để đệm cho ông cụ trình bày. Lúc này bác thôi nói về giáo pháp mà chuyển qua thật tế:

– Lúc xuất gia 18 tuổi, trò đã ăn chay trường một, hai năm trước rồi. Trò có cơ duyên gặp Tôn sư ở Phụng Hiệp, ngài thuyết pháp giảng đạo cho nghe. Rồi trò lên Cần Thơ quy y, ngài cho pháp danh Trí Minh. “Minh” là lấy theo Ngọc Minh ở Cần Thơ. Như Phụng Hiệp có Tịnh xá Ngọc Phước thì ngài cho thiện nam là Trí Phước, Hồng Phước, Bửu Phước, Huệ Phước... gì đó, kêu lên là biết Phật tử ở tịnh xá nào liền. Nên ngài cho pháp danh phân biệt chứ không phải như sau này ai cũng “Thiện”, không biết ở đâu.

Khi trò về quê, ngài gặp hỏi: “Ông cũng ở đây nữa sao?”. Trò bạch: “Thưa Tôn sư, trò ở Phụng Hiệp này.”. Ngài mới đổi pháp danh trò là Trí Phước. Rồi trò thường theo học pháp của ngài. Tới mừng 6 tháng giêng năm Ngọ trò xuất gia, ngài cho trò pháp danh là Giác Hội, bảo sư Giác Như dẫn trò về Tịnh xá Ngọc Viên – Vĩnh Long xuống tóc.

Tới ngày mừng 1 tháng 2 ngài lâm nạn. Bữa trước, 30 tháng Giêng ngài cúng hội ở Sa-đéc. Cúng rồi, ngài họp Tăng nói: “Bây giờ, tôi muốn vô núi lửa tu!”. Qua sáng mừng 1 ngài đi Vĩnh Long, Ngọc Viên. Xe tới Ngọc Viên, một mình trò vác Chơn lý ra xe chắt đầy cho ngài đi ấn tống các nơi. Ngài đi qua Cái Vồn, trên xe có ngài, Giác Nghĩa lái xe, sư cụ Giác Thủy và tiểu sa-di Giác Pháp. Lúc đó có một xe Phật tử ở miền Đông cũng đi theo tháp tùng. Xe tới chỗ Cái Vồn, Năm Lửa cho lính mời ngài vô dinh. Sau đó nó nhốt ngài vô cát-sô, ba đệ tử giam riêng. Bữa sau nó thả ba ông ra, còn ngài từ đó bất tin luôn. Rồi có tám sư đi tìm thầy cũng bị bắt luôn, **do quý sư không chịu về.**

Về sau có nhiều tin đồn nhảm về Tổ sư chớ không có cái nào là thật tế. Ngài vắng bóng rồi, chư Tăng tụ về Vĩnh Long, khi đó có 33 vị, mỗi vị trực nhật một ngày đăng biết phận sự trong tịnh xá. Đứng đầu là Trưởng lão Giác Tánh, kế là Thượng tọa Giác Chánh, rồi Giác Như, Giác Nhon, Giác Hải, Giác Thần... **Trò thứ 33**, là người sau cùng Tổ sư nhận rồi vắng bóng.

Sau quý sư chia ra hành đạo, mở thành đoàn như bây giờ. Thời đó đệ tử Tổ sư rất nhiều, mà sự trì giới không toàn vẹn thành ra ngài giảng cấp, trực xuất hết chỉ còn ít thôi. Ni có thể từ một trăm mấy đến hai trăm, chớ Tăng chỉ có 33 vị. **Sau này quý sư nói giới luật ra**, quý sư mở mới thu được nhiều, chớ lúc còn ngài thì khó lắm, giới luật của ngài giữ cho y rêm mới được, không cho phương tiện. Ngài đau, không ăn ngũ cốc được, ngài ăn chiều cho hết đau thì ngài cũng lột y mặc áo như thường, để làm gương. Ngày Tự tứ ngài không ăn, để hồi hướng sự cúng dường, cầu siêu, cầu an cho cư gia bá tánh.

Khi ngài vắng bóng, trò xuất gia chưa được một tháng, nhưng trước đó gặp ngài ở các nơi thì nhiều. Lúc ngài vắng bóng trò buồn quá, mình mới xuất gia lìa cha mẹ, tuổi mới 18, vô trong giáo hội thì thầy cũng bị tai nạn luôn... Thành ra buồn quá, trò mới xin Thượng tọa Giác Chánh cho đi hành đạo tha phương. Bắt đầu trò đi từ Nam ra Trung, tới Tịnh xá Ngọc Chiêu ở Phan Rang, trò thấy tình cảnh Phật tử sao còn bẽ phái quá, chỉ biết ông Giác Tịnh thôi.

Tôi hỏi cho rõ:

– Ngọc Chiêu hay Ngọc Thuận, bác?

– **Ngọc Chiêu trước hết đó.** Thành ra trò mới ra Nha Trang. Lúc đó trò thọ Cụ túc rồi, đi với hai sa-di là Giác Trí và Giác Nhịn. Ra đó, vô Tịnh hội Phật học thì người ta không có tiếp xúc, người ta cho mình là Tiểu thừa. Trò mới cùng hai vị sa-di ra tháp của các cụ quá cổ mà nghỉ. Đêm trò nằm chiêm bao thấy mình ôm vô-lăng xe hơi chạy trên con đường lở cùng hết, dây giăng tứ phía. Trò mới rần chạy, chạy tới đâu xe không rớt xuống mà dây đứt hết. Sáng, trò mới nói với hai sư là chỗ này mở đạo được. Rồi ba huynh đệ đi xuống một chỗ là làng Phước Hải, chỗ Tịnh xá Ngọc Pháp bây giờ. Hồi đó nó gần sân bay của Nhật, là một bãi cát mênh mông chớ không có nhiều nhà cửa như bây giờ. Khi trò xuống, có người tặng trò một tấm hình Phật bằng ngọc bích. Trò mới tượng trưng hình Phật tạm lên, hàng ngày đi khát thực. Người xung quanh họp lại coi, thấy ảnh Phật mấy bà nói: “Trời ơi, hình này tôi thấy hồi hôm rõ ràng!”. Do vậy, Phật tử tại đó có niềm tin, họ mới chung lại nghe pháp vấn đạo. Trò trụ ở đó một tháng.

Hàng ngày, 8 giờ trò đi khát thực, 12 giờ độ cơm rồi, Phật tử tại đó và các người hiếu kỳ đến vây quanh tới 12 giờ đêm luôn. Đêm, tốp này nhóm kia mang đèn măng-xông, đèn điện nhóc hết. Trò giảng ở đó đúng một tháng, bị tắt tiếng luôn.

Tôi hỏi thăm:

– Năm đó năm nào, bác?

– Năm đó trò 23 tuổi.

Tôi nhận xét:

– Tức là sau Tổ sư vắng bóng 5 năm.

– Dạ, dạ. Nói ngay, trò ở đó cũng nhờ chư thiên với nhờ sự hành đạo của mình, sự hoạt bát trôi chảy... Máy thầy không ai đến chỗ trò, chỉ sai Phật tử đến vấn đạo thôi, nhất là bên Công giáo.

Rồi trò lần ra tới Huế, chỗ khuông hội Thường Lạc. Bữa đó trễ ngọ, đâu có dùng gì nữa. Đi hành đạo miền Trung thiếu hụt đủ thứ, nói thì nhiều mà sự bồi dưỡng thì không có. Bữa đó Phật tử gặp mình còn đả kích nữa. Vừa gặp họ đã nói: “Ở đây có ông Mai Xuân Phuong đi khát thực nuôi được ba cô giáo!”. Trò đáp: “Nếu nhà sư làm vậy là không đúng với giới luật của Phật. Nuôi đàn bà là phạm đại giới rồi, không dung thứ được. Mà tôi tán dương Phật tử ở đây, bởi vì quý Phật tử biết cái chánh cái tà, quý Phật tử mới nói ra như thế. Tôi nói cho quý vị hiểu: Phật truyền giáo đến lúc nhập Niết-bàn vẫn bảo đệ tử lấy giới luật làm thầy...”. Trò đọc 10 giới cấm, rồi bảo: “Nếu vị nào giữ đúng 10 giới cấm mới là người xuất gia. **Còn ai không đủ 10 giới cấm thì chưa thật xuất gia.**”. Trò giảng riết, mấy ông mấy bà đó là người trí thức cũng có xem kinh, họ mới hỏi thăm: “Quý sư ra đây đã dùng cơm chưa?”. Trò nói: “Bữa nay trễ ngọ rồi không dùng, chỉ dùng nước thôi.”. Họ liền quây nước bột, đường mời dùng, và từ đó mới tin tưởng lẫn.

Tôi hỏi:

– Lúc đó bác Trí Phước đi với ai?

Bác đáp:

– Lúc ở Nha Trang, Giác Trí đã ở lại, nên ra Huế chỉ còn hai thầy trò. Hôm đó trời lạnh, họ đem mền, chiếu cho mượn. Hôm sau, trò ra Huế khát thực rồi về Thường Lạc độ cơm. Dần dần Phật tử cảm mến thỉnh ở lại cất tịnh xá cho quý sư ở, trò từ chối: “Không được, quý sư là Tăng du phương thôi. Giờ quý vị cất thì không có ai trụ lại được.”.

Thăm viếng Huế rồi trò về lại Nha Trang. Đến nơi, Phật tử mới chung lại cất tịnh xá, trò đặt tên là Ngọc Pháp, ý nói nhả ngọc phun châu pháp lý đến tắt tiếng luôn!

Tôi hỏi lại:

– Thì ra Ngọc Pháp do bác lập ra?

Bác Trí Phước khẳng định:

– Trò lập ra đó. Lập rồi trò có mời giáo hội, các ngài Giác Tánh, Giác Chánh... ra chứng minh. Sau trò vô Nam, khi tạm biệt Nha Trang Phật tử theo đưa, khóc và xá rập cả đám như đưa đám ma vậy.



TX. Ngọc Pháp, 25 Hương Sơn, P. Phước Hòa, Tp. Nha Trang, T. Khánh Hòa.

Trò về Trảng Bom, vào rừng định tu thôi, chỗ Tỉnh xá Ngọc Nhẫn bây giờ đó. Tại rừng đó có một hang đá, trong hang có một ông cọt ở. Lúc trước, mấy bà Phật tử Sài Gòn ra cúng miếu gặp ông, quảng hồn giựt dếp chạy. Biết chuyện rồi, trò vô rừng đến gần hang nói: “Ông hồ hoan hỷ cho tôi mượn hang này tu một thời gian nghe.”. Không biết ông có nghe hay không, nhưng từ đó ông đi đâu mất tiêu luôn.

Hồi đó Trảng Bom còn rừng nhiều, dân ở thưa và chưa hiểu đạo. Dọc dọc theo đó, Ngô Đình Diệm đã đưa hai triệu người Công giáo vào ở, họ cất nhà thờ giáp hết. Túc Trưng, Gia Kiệm, Bửu Chu, Hồ Nai... đều có nhà thờ, chỉ còn Trảng Bom chưa có.

Trò đến ở, dân thấy lạ mới vô hỏi, mình giảng giải, họ ái mộ theo xin quy y một số. Rồi cũng có Phật tử từ Biên Hòa, Sài Gòn ra. Bữa nọ, họ bàn tính đâu sẵn, cùng một ngày họ phá hết tron chỗ rừng trò ở, cất lên một tỉnh xá.

Tôi xen lời:

– Khởi nói trước?

Ông cụ bật cười với kỷ niệm một thời:

– Khờ, khờ... Khởi nói!

– Tiền trăm hậu tấu.

– Mô Phật. Trò thấy vậy phải chấp nhận, chỗ nào có duyên thì ở chớ biết sao. Trò ở đó, bên Công giáo đến vấn đạo dữ lắm. Lúc đầu mình hăng hái nói nhiều rồi, sau trò không nói nữa, để các cha nói, trò hỏi... Khi từ giã, mấy cha nói:

– Chỗ này tôi định lập một nhà thờ. Bây giờ ông lại cất một cái chùa ở đây!

Trò đáp:

– Thừa cha cất cứ cất chớ mấy sư có dám cản trở gì đâu.

Trò đặt tịnh xá đó tên Ngọc Nhân, nghĩa là mình vào đây nhân nãi tu hành chớ không đi đâu nữa hết. Bây giờ Thượng tọa Thông trụ trì ở đó.

Tôi thừa nhận:

– Dạ đúng rồi.



TX. Ngọc Nhân, đường Hùng Vương, Kp. 2, TT. Trảng Bom, H. Trảng Bom, T. Đồng Nai.

(Ngay trước bệnh viện, cách 300m)

Bác Trí Phước kể tiếp:

– Đó là những thành công của trò. Còn nguyên nhân trở về thế, là lúc đi hành đạo lo hoằng pháp quá, sự bồi dưỡng không đầy đủ, nên sanh bệnh. Đến lúc trò nói không ra tiếng, ngồi cũng không nổi nữa, đi khám được biết phổi bị nám bốn chỗ, tim bị to, trò mới xin về Ngọc Viên dưỡng bệnh. Có bà Thủy hộ pháp thường tinh tấn hộ trì chư Tăng, sáng nào bà cũng bung cháo, trưa lại bung cơm cho trò... Minh tuổi trẻ, đau bệnh ngồi không nổi phải để một bà cụ phục vụ, trò thấy phiền người ta quá. Thôi trò xin xả giới trở về nhà dưỡng bệnh, năm đó đi xuất gia đã được sáu năm, thọ Cụ túc cũng đã được hai năm rồi.

Tôi hỏi thăm:

– Hồi đó bác thọ giới trước hòa thượng Giác Tường à?

– Trước. Hồi đó các vị Giác Tường, Giác Vân, Giác Trang, Giác Ân, Giác Nghiêm... sáu, bảy vị được Tôn sư điền pháp danh trước chớ chưa ấn ký.

Tôi cũng thấy đáng tiếc cho sư Giác Hội xưa: với tâm chánh kiến, biện tài diễn giảng và nhiệt tình hoằng pháp của sư, mà sư chưa có được một kết quả tốt hơn. Sư đã lo hoằng pháp quá nên sanh bệnh là chướng duyên. Trong thời buổi các tịnh xá không có bếp, đời sống của nhà sư còn khép kín trong khuôn khổ, bên ngoài thì thuộc men Đông y Tây y gì cũng không được phong phú như bây giờ, trong thời buổi đó cái chướng duyên của sư đã trở nên quá lớn. Chướng duyên đó đã khiến sư phải tìm lại sự chăm sóc của gia đình. Sư Giác Hội xưa đã cố gắng nghiêm trì đời sống Tứ y pháp, khiến cho nhiều Phật tử kính phục; nhưng sư chưa dung hòa được với đời sống đó, mà cái hiển nhiên nhất là chính Tứ y pháp của sư đã khiến cho sư sanh bệnh và cách ly Tăng chúng huynh đệ.

Xét ra Tứ y pháp của sư chưa tương ưng với đạo và quả lăm. (*Pháp không sai, nhưng người hành gay gắt quá và chưa có kết quả đúng mức.*) Không biết bây giờ bác Trí Phước đã nghiệm ra chỗ thất bại đó chưa?

Tôi an ủi bác:

– Chuyện qua rồi bác. Bây giờ để sư sửa lại trong danh sách 405 cơ sở trực thuộc Phật Giáo Khất Sĩ, sửa là Tịnh xá Ngọc Pháp do tỳ-kheo Giác Hội thành lập, không phải do trưởng lão Giác An.

Bác Trí Phước mời tôi uống nước rồi đứng dậy lại túm lấy một tấm hình:

– Thưa sư, đây là hình trò hồi xưa, do một cháu gái quen vẽ lại từ tấm ảnh cũ.



Sư Giác Hội xưa

Tôi xem hình và nhìn người đang ngồi đối diện, thấy bác Trí Phước có mặt to và vuông, tai dài, trán cao; còn vị sư Giác Hội xưa trong hình vẽ sơn dầu lại có mặt nhỏ và dài, tai nhỏ, trán thấp. Tấm hình gốc đã mất rồi, nhưng bác và gia đình đều nói là vẽ rất giống hình gốc. Vậy tại sao người trong hình lại khác bác Trí Phước thế? Chẳng lẽ do nhìn thẳng và nhìn nghiêng mà chân tóc, tai và quai hàm khác đến thế ư? Hay là do phước, họa đã thay đổi nhân dạng của bác rồi?

Tôi mang hình ra sân chụp, lúc quay vào bác Trí Phước lại gọi chuyện:

– Tổ sư nói *Đại Thừa Giáo, Chánh Pháp*... ngài nói thẳng quá.

Tôi phụ họa:

– Đúng rồi, ngài đồn phá những cái sai lầm.

– Cho nên khi xưa trò đến chùa người ta không thích. Nhưng Tổ đã như vậy, trò không thể nói khác được. Giới hạnh ngày xưa ngài đã giữ, ngày nay nói: “Làm vậy không mở đạo được.”. Vậy tại sao Phật Thích-ca mở đạo được?

Và Tôn sư Minh Đăng Quang mới cách đây mấy chục năm mà ngài chỉ trì giữ giới luật, không phương tiện sao ngài cũng mở đạo được?

Vậy nên trò buồn quá mà không biết nói sao bây giờ! Việc hành đạo của trò đã dở dang, chớ hồi đó đi đến đâu trò đều nói đủ lắm, nói để chấn hưng Phật giáo, nói để đem lại chánh kiến... Hồi đó trẻ một chút nữa là bên Ngô Đình Diệm đã thủ tiêu trò ngoài miền Trung rồi!

– Dữ vậy, bác?

– Phật tử phải gác hàng đêm đó! Cho nên việc làm đạo này rất quan trọng, mình đừng lấy trí phàm trực mà quên các bậc Bồ-tát, Tổ Thầy đã duy trì giới luật cho mình. Phật quá khứ, vị lai đồng theo một đường lối này.

Thấy bác Trí Phước đang quá say sưa trong “rượu Giới” của bác, xem như cũng đang còn kẹt trong giới cấm thủ, tôi không tiện luận bàn chi. Thế nên tôi chỉ siết một câu nhẹ nhẹ:

– Đúng rồi! Giới luật vốn là **một phương tiện** thù thắng.

Chư Phật đem Pháp bảo tinh thần cho chúng ta ăn mỗi ngày, nếu chúng ta tiêu hóa được các món ăn đó thì chúng ta mới mập mạnh lên được; còn nếu như những món ăn đó không thể tiêu hóa, bị ứ trong bao tử ta, thì chúng lại làm cho ta bị bệnh! Trước đây có khi tôi cũng gay gắt. Nhưng qua những va chạm, tôi đã hiểu rằng: người trì giới như pháp là người trì giới mà không gay gắt với ai, người tu thiền như pháp là người tu thiền một cách nhẹ nhàng trầm tĩnh, người học kinh sách như pháp là người học tập mà không ưa tranh luận, người đã nếm được đạo vị là người không cần tìm kiếm những món của đời nữa, và người đã đến được chỗ cao thượng là người có lòng bao dung...

Tuy tôi đã lưu ý rằng giới cũng chỉ là một phương tiện thôi, nhưng bác Trí Phước “biết vậy mà vẫn không hoan hỷ nổi” như lời bác bộc bạch vào cuối buổi gặp gỡ hôm đó. Thế nên bác vẫn tiếp tục:

– Bây giờ trò cố gắng còn được lời nào thì nói lên lời ấy để hộ trì Chánh pháp của Phật ba đời, đồng thời để nhắc lại thời của Tôn sư nổi truyền Thích-ca Chánh pháp. Nói rằng: “Ồ, thế giới hôm nay người ta làm vậy hết trơn rồi!”, vậy chớ hồi Tôn sư Minh Đăng Quang cũng chỉ có một mình ngài làm thôi, nhưng mà ngài đã nhen nhúm được một giáo hội thời đó.

Cho nên trò có nói với hòa thượng Giác Giới: “Ngày nay các vị kỳ cựu qua đời hết rồi, bây giờ còn hòa thượng là thủ lãnh của Giáo hội Tăng-già, hòa thượng phải giữ lại công khó của thầy, phải nghiêm trì đường lối cũ.”. Hòa thượng nói: “Nếu làm vậy còn có mình tôi à!”.

Bác bật cười khớ khớ... Tôi nhận xét khách quan, không khen hay chê:

– **Bữa nay hầu hết các tịnh xá đều giữ tiền, ăn chiều; còn một, hai tịnh xá duy trì như xưa thôi.** Tình hình chung là như thế.

Bác Trí Phước đáp:

– Mô Phật. Trò biết hết rồi. Ngài Tôn sư nói: “Phá địa ngục mà lên, xé càn khôn mà đến, đạp sanh tử mà đi, làm chủ lấy mình, đại hùng đại lực!”. Ngài

không nói dựa vào ai nữa hết, quyết định phải làm cho có kết quả. Bây giờ mình đi khát thực trong vòng tịnh xá, hay có tổ chức trước... là mình đóng vai rồi. Đức Phật dạy mình phải từ bỏ thế gian pháp, phải khát thực mà sống mỗi ngày. Quý sư giữ tiền để đi truyền đạo, thì cái đạo đó là Đạo giữ tiền rồi! Sư suy nghĩ đi, đúng không?

Tôi đáp:

– Dạ đúng.

Bác Trí Phước búi ngùi tâm sự:

– Có đêm trò không ngủ được. Trò đang suy nghĩ viết một quyển sách tên là *Phục Hồi Chánh Pháp Minh Đăng Quang*. Nhưng trò lại nghĩ: trong thời kỳ này mình làm biết có kết quả hay không?... Giới Thanh Văn chưa rồi, đòi hành Giới Bồ-tát sao nổi? Trò tán thán Giới Bồ-tát chứ không có bác bỏ. Nhưng giới đó là cho bậc Bồ-tát kia.

Trò dám nói mạnh là không giữ được 10 giới không có chứng được đạo quả gì hết, mà còn thiếu nợ đàn-na tín chủ nữa. Bởi vì sao? Vì trong *Kinh Kim Cang* Phật nói: “Tu-đà-hoàn giả bất nhập sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, thị danh Tu-đà-hoàn.”. Mới Sơ quả mà còn phải lìa lục trần, hưởng gì? Nay Tu-đà-hoàn còn chưa có, làm sao có Nhất lai, Bất lai, Vô sanh? Trò nói mạnh vậy, có gì xin sư hoan hỷ với trò.

Tôi ôn tồn đáp:

– Không sao, đây là vấn đề giáo lý, không phải đang nói đến cá nhân ai.

– Mô Phật. Trò hy sinh vì Phật, vì Tổ Thầy mà nói lên những lời Chánh pháp. Dầu cho có những quyền lực của Dạ-xoa, La-sát, hay Diêm chúa nào bảo: “Ông nói vậy cho ông vô địa ngục!” thì trò cũng không sợ. Còn nếu như trò nói tà pháp thì trò bị vô địa ngục là phải rồi.

Có ông sư lang thang nói trò: “Ông nói vậy là phạm Tăng. Phạm Phật Tăng độ, phạm Tăng ai độ ông?”. Trò mới nói: “Trò kính trọng Tăng có đủ Tam tụ lục hòa. Những lời trò nói không phải là phá Tăng, mà chính sư mới là người phá Tăng! Sư đang mặc đồ gì, mà sao sư không làm đúng phép nhà sư?”... Cho nên Phật đã nói mà: con trùng trong thân sư tử mới ăn được thịt sư tử, không phải do trùng bên ngoài đâu. Nếu đem học rộng nghe nhiều ra đánh đổ khuôn khổ của Phật thì sẽ không thành tựu được. Đức Phật dạy nhiều pháp môn cho nhiều trình độ, mà mình phải biết mình đang ở trình độ nào? Mình không theo đúng trình độ của mình là mình sai. Trò có viết một bài thơ bát cú:

Nếu con làm đạo chẳng tròn xong
Thà trở về quê sống ruộng đồng
Nguyện chẳng làm phai nền Thánh giáo
Quyết không khuấy đục chốn lâm tông.
Thấy người phá giới dường moi mắt
Nghe kẻ phạm trai tợ xé lòng!
Bởi muốn làm sao đường giải thoát
Muôn đời giới hạnh mãi ngân trong!

Bài thơ này thật quyết liệt, nó cho thấy tính cách khí khái của tác giả. Riêng hai câu luận (*câu năm, sáu*) gay gắt quá, tâm sục sôi vì lỗi của người thì e rằng giới hạnh của mình khó ngăn trong. Nếu đúng là Phật pháp, thì khi thấy người phạm trai phá giới mình phải khởi đại bi tâm, khéo chỉ cho người thấy chỗ sai và làm gương trì tịnh giới cho người noi theo v.v... Nghe bác đọc xong bài thơ, tôi hỏi thăm:

– Bài thơ làm hồi nào, bác?

Ông cụ đáp:

– Lúc trò mới hoàn tục.

– Thế sau này sư Giác Nhịn ra sao, khi bác về rồi?

– Ông ra trước trò.¹

– Còn khi cất Ngọc Pháp rồi mình có trụ lâu không?

– Trò có dự khánh thành rồi thỉnh thoảng ghé chớ không trụ luôn.

– Còn Ngọc Nhẫn lập năm nào?

– Ngọc Nhẫn sau Ngọc Pháp, khác năm.

Và bác lại kể về giai đoạn cùng tu với huynh đệ trên núi:

– Tổ vắng rồi, sư Giác Thường, Giác Lập, Giác Nhiên, Giác Bình, Giác Bích với trò... sáu, bảy vị ở tu trong núi Két. Trò có cái bát bự, đi bát mỗi nhà để một chén cơm lùm lùm, nhận đầy bát được 11 chén. Phật tử Châu Đốc gửi cúng xì-ủu, mình để sẵn trong kẹt đá. Đến chừng đi khát thực về, lấy xì-ủu ra, bẻ một nắm ớt hiểm xanh, ăn vậy hết bát cơm luôn. Bởi ăn ngày có một bữa mà mình đương sức nữa.

Tôi đồng ý:

– Đang sức lớn, mà ngoài cơm có đồ ăn gì đâu. Bây giờ có đồ ăn, bánh trái, nước ngọt... Hồi đó trên núi cũng không có nước dừa mà uống nữa. Ai đâu trông sẵn dừa cho mình?

– Mô Phật. Nói về lúc xưa thì khổ lắm, nói không hết đâu.

Đã tu thì không khổ. Tôi đẩy chai nước suối qua, mời:

– Bác uống chai nước này đi, sư có ly nước dừa này là đủ rồi.

Có tiếng máy nổ chạy qua dòng kinh trước nhà cắt ngang câu chuyện của tôi và bác Trí Phước. Chuyện của tôi và bác coi bộ dài, thôi tạm dừng bút ở đây, để số kế tiếp tôi sẽ tiếp tục viết về bác Trí Phước.

¹ Sư Giác Hội xả y bát vào Tự tứ năm 1959, còn sư Giác Nhịn sau về Trại Mát – Đà Lạt lập gia đình ở đó, theo lời HT. Giác Ngộ kể.